

Bản án số: 317/2025/HSPT

Ngày 19/12/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng

Các Thẩm phán: Ông Trần Duy Phương và bà Lưu Thị Thu Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thoán - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 249/2025/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2025, do có kháng cáo của các bị cáo Trương Ngọc V và Lê Thị V1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 16/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Trương Ngọc V; sinh năm 1967, tại tỉnh Phú Yên (Nay là tỉnh Đắk Lắk); nơi cư trú: khu phố B, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (Nay là khu phố B, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk); giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 09/12; con ông Trương S và bà Trần Thị T (đều đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T1, sinh năm 1974; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Họ và tên: Lê Thị V1; sinh năm 1973, tại tỉnh Phú Yên (Nay là tỉnh Đắk Lắk); nơi cư trú: thôn T, xã H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (Nay là thôn T, xã H, tỉnh Đắk Lắk); giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Nông; trình độ văn hóa: 06/12; con ông Lê Văn Đ (đã chết) và bà Huỳnh Thị Đ1, sinh năm 1952; bị cáo có chồng là Nguyễn Văn H, sinh năm 1973; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo khác nhưng không có kháng cáo, kháng nghị và không bị kháng cáo, kháng nghị

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thời gian từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024, Trần Thị Huyền T2 là nhân viên khoa xét nghiệm thuộc Trung tâm y tế thị xã Đ được giao nhiệm vụ nhập mã số bảo hiểm của thanh niên trúng tuyển nghĩa vụ quân sự năm 2024 trên địa bàn thị xã Đ vào hệ thống dữ liệu của Cục P, nên T2 biết được Bùi Quốc K, Trương Ngọc M trúng tuyển nghĩa vụ quân sự năm 2024. Để có tiền tiêu xài cá nhân, Huyền T2 nảy sinh ý định đưa ra thông tin gian dối là có thể giúp các thanh niên này không đi nghĩa vụ quân sự để người thân của K, M tin tưởng, đưa tiền rồi chiếm đoạt. Huyền T2 liên hệ với K, M hỏi về mã số bảo hiểm xã hội sau đó gợi ý về việc có thể lo cho K, M không đi nghĩa vụ quân sự.

Mặc dù M đã nhận được L gọi công dân nhập ngũ, tuy nhiên Trương Ngọc V, Nguyễn Thị T1 (cha mẹ M) không muốn M đi nghĩa vụ quân sự nên đã chủ động liên hệ gặp Huyền T2 để hỏi về việc lo chạy cho M không đi nghĩa vụ quân sự năm 2024 và được Huyền T2 đồng ý giúp. Ngày 30/01/2024, vợ chồng V, T2 đã trực tiếp đưa cho Huyền T2 20.000.000 đồng.

Cũng vào tháng 01/2024, Lê Thị V1 nhận được L gọi công dân nhập ngũ của con trai là Nguyễn Thanh Q nên đã nói với em chồng là Lê Thị Mỹ T3 rằng V1 không muốn cho con tham gia nghĩa vụ quân sự. T3 biết việc Huyền T2 có thể lo chạy nghĩa vụ quân sự năm 2024 nên đã nói với V1 và được V1 nhờ liên hệ Huyền T2 hỏi giúp có thể lo được cho Q không đi nghĩa vụ quân sự hay không. Đầu tháng 02/2024, T3 đến gặp trực tiếp Huyền T2 để trao đổi thì Huyền T2 đồng ý lo cho Q không đi nghĩa vụ quân sự nên T3 đã báo lại cho V1 biết, V1 đưa T3 28.000.000 đồng và T3 đã đưa số tiền này cho Huyền T2.

Sau khi nhận được tiền của V, T2, V1 và T3 thì Huyền T2 tiêu xài cá nhân hết, không liên hệ ai và cũng không thực hiện bất cứ việc gì để lo cho M, Q không đi nghĩa vụ quân sự. Ngày 25/02/2024, M và Q nhập ngũ tham gia nghĩa vụ quân sự năm 2024. Các ông bà V, T, V1, T3 nhiều lần liên hệ và gặp Huyền T2 yêu cầu trả lại tiền nhưng T2 không trả nên N, T3 có đơn gửi cơ quan chức năng yêu cầu giải quyết.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 16/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trương Ngọc V, Lê Thị V1 phạm tội “Đưa hối lộ”.

Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 364; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trương Ngọc V và Lê Thị V1 mỗi bị cáo 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Các ngày 21,25/7/2025; các bị cáo Trương Ngọc V, Lê Thị V1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trương Ngọc V và Lê Thị V1 về tội “Đưa hối lộ” theo điểm a khoản 1 Điều 364 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo cung cấp thêm biên lai nộp án phí hình sự sơ thẩm đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng thêm cho các bị cáo. Xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương, gia đình cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo. Vì vậy, đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo. Xử phạt bị cáo Trương Ngọc V, Lê Thị V1 mỗi bị cáo 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đưa hối lộ”.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024, Trần Thị Huyền T2 là nhân viên y tế tại Trung tâm y tế thị xã Đ, thuộc khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh

Phú Yên (nay là khu phố P, phường H, tỉnh Đắk Lắk) đã có hành vi đưa ra thông tin gian dối là lo được cho Trương Ngọc M và Nguyễn Thanh Q không phải đi nghĩa vụ quân sự năm 2024 nhằm mục đích chiếm đoạt tiền để tiêu xài cá nhân. Mặc dù đã nhận giấy báo nhập ngũ nhưng vì muốn con mình không phải đi lính nghĩa vụ quân sự nên bị cáo Lê Thị V1 đã liên hệ và đưa cho Huyện T2 số tiền 28.000.000đ; Trương Ngọc V liên hệ và đưa cho Huyện T2 số tiền 20.000.000 đồng nhằm mục đích nhờ Huyện T2 giúp cho con của mình không phải đi lính nghĩa vụ quân sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Lê Thị V1, Trương Ngọc V về tội “Đưa hối lộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 364 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của các bị cáo Trương Ngọc V, Lê Thị V1, thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn và uy tín của các cơ quan Nhà nước, gây dư luận xấu cho các cơ quan có thẩm quyền và ảnh hưởng trật tự an ninh xã hội tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá về tính chất, hành vi thực hiện tội phạm, nhân thân các bị cáo từ đó áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và xử phạt các bị cáo 09 tháng tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo cung cấp thêm biên lai nộp án phí hình sự sơ thẩm; gia đình các bị cáo bị ảnh hưởng nghiêm trọng trong đợt lũ lụt vào tháng 11/2025 tại tỉnh Đắk Lắk, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng thêm cho các bị cáo. Xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương, gia đình cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự sửa bản án sơ thẩm về biện pháp áp dụng hình phạt đối với các bị cáo Trương Ngọc V, Lê Thị V1, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo để giúp các bị cáo hoàn lương, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo nên các bị cáo Trương Ngọc V, Lê Thị V1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trương Ngọc V, Lê Thị V1

- Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 16/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đắk Lắk về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo Trương Ngọc V, Lê Thị V1

[2] Áp dụng: điểm a, khoản 1 Điều 364; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt:

- Bị cáo Trương Ngọc V 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đưa hối lộ”, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trương Ngọc V cho Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Đ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Bị cáo Lê Thị V1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đưa hối lộ”, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị V1 cho Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trương Ngọc V và Lê Thị V1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực 12 – Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 12 – Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk (PV06);
- Phòng THADS khu vực 12;
- UBND phường Đ;
- UBND xã Hòa X;
- Bị cáo;

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hồng

